TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HS-ST
Ngày: 27 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Tám và ông Lường Khắc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Thế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thuý Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

TRẦN XUÂN Đ, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1980 tại M - Phú Thọ. Căn cước công dân số: 017080005867. Nơi ĐKHKTT/Chỗ ở: xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Trần Thị C; bị cáo có vợ là Phạm Thị H và 01 con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2025, tạm giam từ ngày 12/6/2025. Có mặt tại phiên tòa.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Quách Văn M, sinh năm 1983 và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1987. Cùng trú tại: Xóm V, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Đều có mặt.

2.3. Người chứng kiến: Ông Hà Văn D, sinh năm 1983. Trú tại: xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 03/6/2025, tại khu vực xóm P, xã C, huyện M,

tỉnh Hòa Bình (Nay là xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ), Trần Xuân Đ đang đi xe môtô nhãn hiệu Honda không biển kiểm soát thì bị Công an bắt quả tang Trần Xuân Đ đang giấu trong cổ áo khoác Trần Xuân Đ đang mặc 08 gói nilon màu trắng, trong đó có 06 gói bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, 02 gói bên trong chứa các viên nén màu hồng. Các tang vật trên Trần Xuân Đ khai nhận là chất ma tuý H1 và H2 phiến mua được của một người đàn ông dân tộc Mông chiều ngày 03/6/2025 tại khu vực xóm T, xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình (Nay là xóm T, xã P, tỉnh Phú Thọ) với giá 3.000.000 (Ba triệu) đồng về để bán kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma tuý, Trần Xuân Đ lấy một ít sử dụng, số còn lại chia nhỏ giấu vào cổ áo khoác đang mặc đi về thì bị bắt quả tang người cùng tang vật.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm toàn bộ số ma túy khi bắt quả tang Trần Xuân Đ; 01 căn cước công dân mang tên Trần Xuân Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã cũ, màn hình bị vỡ; 01 áo khoác phao bông màu tím than đã qua sử dụng; 01 xe môtô nhãn hiệu Honda không biển kiểm soát có số máy JA39E2773xxx, số khung RLHJA3927NY276xxx là xe đứng tên sở hữu của bà Bùi Thị N1, do chồng bà Bùi Thị N1 là ông Quách Văn M cho bị cáo mượn. Các vật chứng nêu trên được hiện đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Phú Thọ chờ xử lý.

Tại kết luận giám định số 295/KL-KTHS, ngày 10/6/2025 của Phòng K - Công an tỉnh H (Nay là Công an tỉnh P) kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ từ Trần Xuân Đ là ma tuý, loại Heroine, tổng khối lượng là 10,09g (Mười phẩy không chín gam). Các viên nén màu hồng thu giữ từ Trần Xuân Đ là ma tuý, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 1,82g (Một phẩy tám mươi hai gam). Tổng cộng hai loại ma tuý có khối lượng là 11,91 (Mười một phẩy chín mươi mốt gam).

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-KV16 ngày 18/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ đã truy tố bị cáo Trần Xuân Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo tại xóm T, xã P, tỉnh Phú Thọ, cơ quan điều tra chưa xác định được nhân dạng, căn cước; đối với Quách Văn M là người cho bị cáo mượn xe nhưng kết quả điều tra xác định ông M không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn M và bà Bùi Thị N1 chỉ mong muốn nhận lại xe môtô đã cho bị cáo mượn và không có ý kiến gì đối với bị cáo.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh, điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; có bố là người có công theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 08 (Tám) năm đến 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

do bị cáo là người không có điều kiện về kinh tế. Về vật chứng của vụ án: đề nghị tịch thu, tiêu hủy phong bì niêm phong bên trong chứa chất ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định. Đối với chiếc xe môtô bị cáo dùng đi mua ma tuý thuộc sở hữu hợp pháp của bà Bùi Thị N1 do chồng là ông Quách Văn M sử dụng và cho bị cáo mượn. Ông Quách Văn M không có lỗi trong việc phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho xe cho người sở hữu hợp pháp là bà Bùi Thị N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm và xin được nhận lại xe môtô đã cho bị cáo mượn đi mua ma tuý.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung cáo trạng phản ánh; không kêu oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:* Ngày 03/6/2025, bị cáo Trần Xuân Đ đã có hành vi mua bán trái phép chất ma tuý; đã dùng số tiền 3.000.000 đồng mua 10,09g Heroine và 1,82g Methamphetamine tại xóm T, xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình (Nay là xóm T, xã P, tỉnh Phú Thọ) với mục đích để bán lại cho những người nghiện khác kiếm lợi nhuận và sử dụng cho bản thân. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo mua bán hai chất ma tuý là H1 và Methamphetamine với tổng khối lượng là 11,91 (Mười một phẩy chín mươi mốt gam); trên 05 gam và dưới 30 gam. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra ngày 03/6/2025 và tội phạm bị cáo phạm phải đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Tuy nhiên, những nội dung sửa đổi, bổ sung không có điểm gì có lợi cho bị cáo; không vi phạm nguyên tắc áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các

chất gây nghiện của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Bản thân bị cáo là người có nhận thức xã hội, có hiểu biết pháp luật, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng lại lười lao động, muốn kiếm tiền nhanh chóng bằng con đường bất hợp pháp để thỏa mãn các nhu cầu cá nhân. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguyên nhân, nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, biết Nhà nước cấm mua bán các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện vì lợi ích bản thân mà gieo rắc tác hại của ma túy cho nhiều người khác. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân bình thường, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra bị cáo có bố là bệnh binh 2/3 đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; Huân chương chiến sỹ giải phóng Hạng Nhì; Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng và Giấy khen của Ủy ban nhân huyện M, tỉnh Hoà Bình về thành tích tiêu biểu trong Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" nhân dịp 60 năm ngày Thương binh, liệt sỹ. Đây là tình tiết Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về vật chứng của vụ án:* Vật chứng là mẫu vật Heroine hoàn lại sau giám định của Phòng K - Công an tỉnh H (Nay là Công an tỉnh P) là các chất ma túy, là vật Nhà nước cấm mua bán, tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda không biển kiểm soát có số máy JA39E2773xxx, số khung RLHJA3927NY276xxx là xe đứng tên sở hữu của bà Bùi Thị N1, do chồng bà Bùi Thị N1 là ông Quách Văn M cho bị cáo mượn đi mua ma tuý. Quá trình điều tra xác định ông Quách Văn M không biết mục đích của bị cáo khi mượn xe, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Bùi Thị N1. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Trần Xuân Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã cũ, màn hình bị vỡ là giấy tờ chứng minh nhân thân và tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với chiếc áo khoác phao bông màu tím than đã qua sử dụng là công cụ phạm tội cần tịch thu, tiêu huỷ.

[7] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Xuân Đ 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong của Phòng K - Công an tỉnh H (Nay là Công an tỉnh P) bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 áo khoác phao bông màu tím than của bị cáo Trần Xuân Đ.

Trả lại cho bà Bùi Thị N1 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen - bạc, không biển kiểm soát, có số máy JA39E2773xxx, số khung RLHJA3927NY276xxx.

Trả lại cho bị cáo Trần Xuân Đ 01 căn cước công dân số 017080005xxx, mang tên Trần Xuân Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã cũ, mặt sau màu xanh, màn hình bị vỡ.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Phú Thọ, có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 12/KV16 ngày 24/12/2025).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Xuân Đ phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 16 – Phú Thọ;
- Phòng PC10 – Công an Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng THADS khu vực 16 – Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn